TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH BÌNH** TỈNH ĐỒNG THÁP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2018/ HNGĐ – ST
Ngày: 20/9/2018
V/v *" Tranh chấp hôn nhân*
Và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Trinh
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Quốc Trí
2. Ông Phan Thanh Tâm

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Huỳnh Anh Thư - Cán bộ TAND huyện Thanh Bình.

Viện Kiểm Sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Thanh Xuân – Kiểm sát viên

Vào ngày 20 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 180/2018/ TLST – HNGĐ ngày 09/8/2018 về việc *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2018/QĐXX- ST ngày 07 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Quốc D, sinh năm: 1961 (Có mặt)

2. Bị đơn: Phách Thị Thu H, sinh năm: 1965 (có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp 1, xã 2, huyện 3, Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 09/7/2018, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn ông Nguyễn Quốc D trình bày: Trước khi ông D với bà H chung sống với nhau thì cả hai người đều có gia đình và đã ly hôn. Sau đó ông D và bà H tự tìm hiểu và chung sống với nhau vào năm 2004, không có đăng ký kết hôn. Việc ông bà chung sống với nhau là tự nguyện, không bị cưỡng ép hay lừa dối. Trong thời gian chung sống tình cảm vợ chồng hạnh phúc đến khi ông D bệnh thì tình cảm vợ

chồng phát sinh mâu thuẩn bất đồng quan điểm sống và ly thân vào 3/2018, Nên ông D yêu cầu được chấm dứt mối quan hệ vợ chồng với bà Phách Thị Thu H.

Về con chung; về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không nợ ai, không ai nợ lại ông D và bà H, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải ngày 20/8/2018 và tại phiên tòa hôm nay bị đơn bà Phách Thị Thu H trình bày: Thống nhất lời trình bày của ông D trước khi bà H chung sống với ông D thì cả hai người đều có gia đình và đã ly hôn. Sau đó bà với ông D tự tìm hiểu và chung sống với nhau vào năm 2004, không có đăng ký kết hôn. Việc ông bà chung sống với nhau là tự nguyện, không bị cưỡng ép hay lừa dối. Trong thời gian chung sống tình cảm vợ chồng hạnh phúc đến năm 2017 thì tình cảm vợ chồng phát sinh mâu thuẩn bất đồng quan điểm sống và ly thân vào 3/2018. Nay bà H thống nhất yêu cầu được chấm dứt mối quan hệ vợ chồng với ông Nguyễn Quốc D.

Về con chung; về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không nợ ai, không ai nợ lại ông D và bà H, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm phát biểu ý kiến:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 28, 35 về thẩm quyền thụ lý vụ án; Việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68; Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các Điều 93 đến Điều 97; Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196; Về thời hạn xét xử đúng quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Hội đồng xét xử đã tuân đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định:

Áp dụng Điều khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014.

-Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng của ông Nguyễn Quốc D với bà Phách Thị Thu H.

-Về con chung: Không có; Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Do ông D yêu cầu được chấp dứt mối quan vợ chồng với bà Phách Thị Thu H. Vì vậy căn cứ vào Điều 28 điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 171 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử đã tiến hành xét xử vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn là phù hợp.

[2] Về nội dung vụ án:

-Về hôn nhân: Giữa ông D với bà H chung sống với nhau vào năm 2004, không có đăng ký kết hôn. Ông, bà sống hạnh phúc và đến tháng 3/2018 ly thân với nhau. Từ khi ly thân đến nay ông, bà không hàn gắn được. Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân phải xây dựng trên cơ sở tự nguyện của cả người, phải có tình cảm yêu thương, quan tâm đến nhau thì mới mang lại hạnh phúc. Vì vậy cho thấy mâu thuẫn giữa ông D với bà H làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được . Ông D, bà H chung sống với nhau từ năm 2004, ông bà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm và không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng nên không được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Do đó không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Quốc D với bà Phách Thị Thu H là phù hợp với khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điều 53của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 qui định:

1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý.

Khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 qui định:

1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này.

- Về con chung: Ông D với bà H chung sống với nhau không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: không có; về nợ chung: Ông D, bà H không nợ ai, cũng không ai nợ lại, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]- Đối với đề nghị của Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử thấy rằng quan điểm của Viện kiểm sát phù hợp với chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và tình tiết khách quan của vụ án. Nên được Hội đồng xét xử xem xét để giải quyết.

Ông D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình.

Bà H không chịu án phí hôn nhân và gia đình

Ông D, bà H có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ vào Điều 28 điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Các Điều 9, Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên xử:

1.Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Quốc D với bà Phách Thị Thu H.

2. Về con chung : Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Ông D, bà H thống nhất không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: ông bà không nợ ai, không ai nợ lại ông bà, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông D phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân gia đình nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai số BG/2017- 000000 ngày 07 tháng 8 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện 3. Ông D không phải nộp thêm tiền án phí.

Bà Phách Thị Thu H không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày kể từ hôm nay tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế

thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 ,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – chủ tọa phiên tòa

*** Nơi nhận:**
- Tòa án tỉnh ĐT
- VKS huyện TB
- THADS Huyện TB
- Đương sự
- Lưu Hồ sơ & Văn Phòng
- UBND xã 2

Nguyễn Thị Kim Trinh